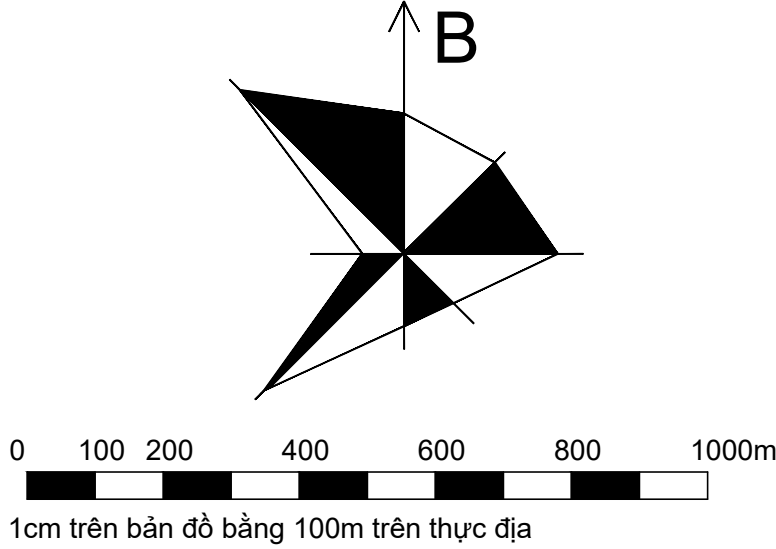


ĐỊA ĐIỂM: XÃ HỒNG LỘC - TỈNH HÀ TĨNH

QUY HOẠCH CHUNG XÃ HỒNG LỘC, TỈNH HÀ TĨNH ĐẾN NĂM 2050

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



KÝ HIỆU:

I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Hiện trạng	Nguồn hạn	Dải hạn

- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
- ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
- ĐẤT LÀM MUỐI

II. ĐẤT XÂY DỰNG

Hiện trạng	Nguồn hạn	Dải hạn

- ĐẤT Ở
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN, LÀNG NGHỀ
- ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
- ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- ĐẤT HÀ TÀNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH

III. ĐẤT KHÁC

Hiện trạng	Nguồn hạn	Dải hạn

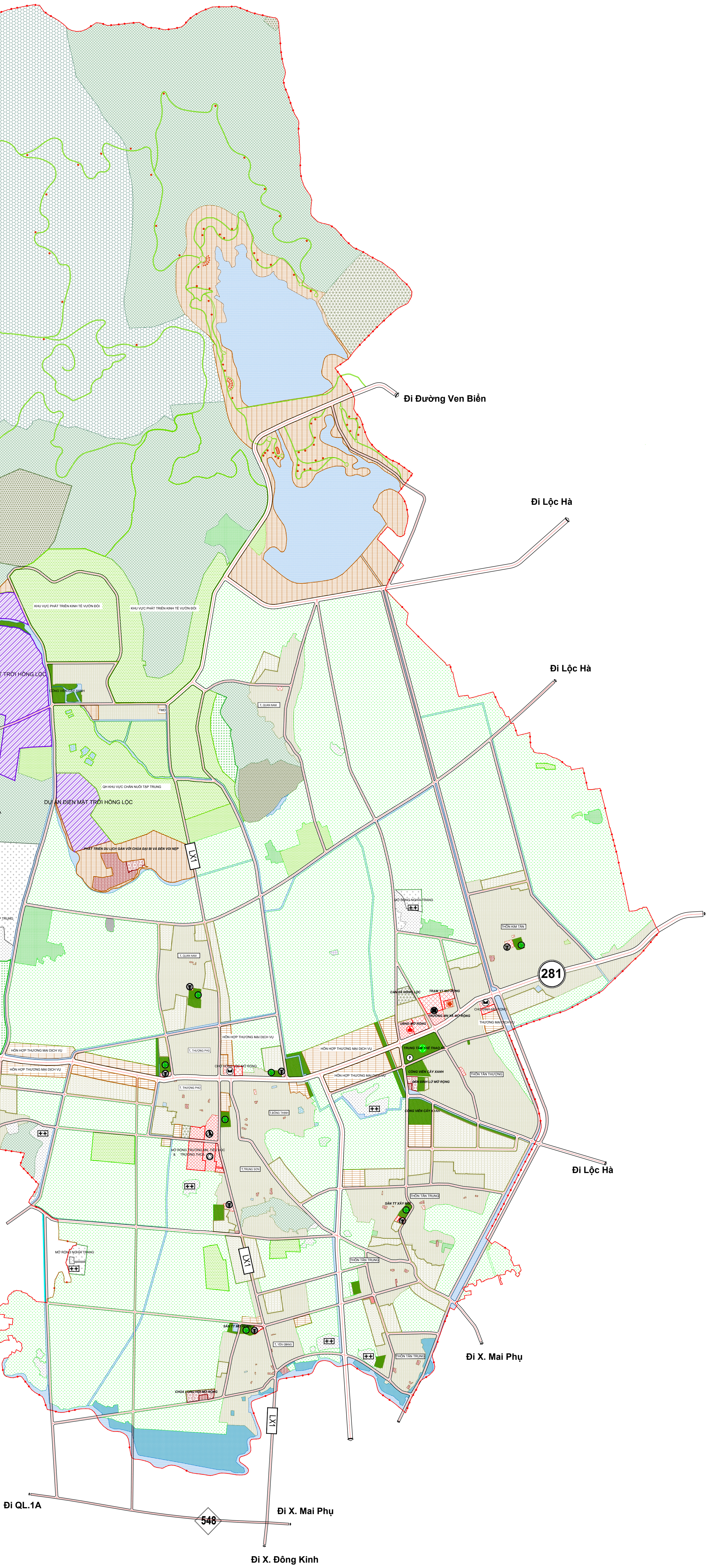
- ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MẶT NƯỚC
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- KV THẨM ĐÓ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

KÝ HIỆU:

	TRỤ SỞ UBND XÃ
	TRUNG TÂM VĂN HÓA XÃ
	TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO XÃ
	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA, TRẠM Y TẾ XÃ
	TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
	TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
	TRƯỜNG TIỂU HỌC
	TRƯỜNG MẦM NON
	SÂN THỂ THAO THÔN
	NHÀ VĂN HÓA THÔN
	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
	CHỢ
	CÔNG TRÌNH DI TÍCH
	CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
	NGHĨA TRANG
	BÃI ĐÓ XE

BẢNG THÔNG KẾ TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT

TT		Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2050		Chỉ tiêu theo QCVN 01:2026
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
Dân số (người)		17.027		23.800		
Tổng diện tích toàn xã		3.377,67	100,00	3.377,67	100,00	
1 Đất nông nghiệp		2.650,72	78,48	2.207,53	65,36	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.346,45	39,86	1.038,95	30,76	
1.2	Đất làm ruộng	1.265,10	37,45	1.012,93	29,99	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	21,18	0,63	24,80	0,73	
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0,00	
1.5	Đất nông nghiệp khác	17,99	0,53	130,85	3,87	
2 Đất xây dựng		431,55	12,78	990,68	29,33	416,25
2.1	Đất ở	113,94	3,37	197,25	5,84	82,88
2.1.1	Đất ở hiện trạng	0,00	0,00	83,31	2,47	
2.1.2	Đất ở hiện trạng	113,94	3,37	113,94	3,37	
2.2	Đất công cộng	8,97	0,27	15,42	0,46	6,48
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	7,07	0,21	19,49	0,58	8,19
2.4	Đất hỗn hợp (thoam ở)	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.5	Đất dịch vụ - du lịch	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.6	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	2,68	0,08	6,24	0,18	
2.7	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00	72,58	2,15	
2.8	Đất kho bãi và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	58,14	1,72	
2.9	Đất xây dựng các chức năng khác	0,11	0,00	179,17	5,30	
2.10	Đất hạ tầng kỹ thuật	269,89	7,99	359,88	10,65	
2.10.1	Đất giao thông	233,72	6,92	291,59	8,63	
2.10.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.10.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	30,17	0,89	54,30	1,61	
2.10.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	6,01	0,18	13,99	0,41	
2.11	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0,00	0,00	0,00	0,00	
2.12	Đất quốc phòng, an ninh	28,88	0,86	82,50	2,44	
3 Đất khác		295,40	8,75	179,46	5,31	
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dụng	179,46	5,31	179,46	5,31	
3.3	Đất chưa sử dụng	115,94	3,43	0,00	0,00	



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

KÊNH THIẾT DUYỆT: QU.UBND NGÀY: THÁNG NĂM 2026

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH

KÊNH THIẾT DUYỆT: S.UBND NGÀY: THÁNG NĂM 2026

CƠ QUAN TRÌNH DUYỆT:
SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ TĨNH

KÊNH THIẾT DUYỆT: T.UBND NGÀY: THÁNG NĂM 2026

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HỒNG LỘC

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH CHUNG XÃ HỒNG LỘC ĐẾN NĂM 2050

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-04 GHEP: 1 A0 TỶ LỆ: 1/10.000 NGÀY:/...../2026

THIẾT KẾ: KTS. LÊ TIẾN ĐỒNG

CHỦ TRÌ: KTS. VŨ THỊ MINH NGUYỆT

CHỦ NHIỆM: KTS. DIEP SON TÙNG

QL.KÝ THUẬT: THS.KTS. PHẠM QUỲNH ANH

VIỆN NGHIÊN CỨU THIẾT KẾ ĐÔ THỊ

GIÁM ĐỐC ĐỒ KIM DUNG

TÊN CÔNG TRÌNH: QUY HOẠCH CHUNG XÃ HỒNG LỘC ĐẾN NĂM 2050

QH-04: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT